

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Ngân -Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên Tòa số:109/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn L, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện Đ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Lê Thị Kim Thủy E, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15/5/2018 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Anh và chị Lê Thị Kim Thủy E chung sống năm 2008, kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BD, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh và chị Thủy E ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống anh và chị Thủy E có với nhau 01 con chung Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 19/8/2009 chị Thủy E đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Lê Thị Kim Thủy E.
- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Thủy E cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, anh L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Về con chung anh đồng ý để chị Thủy E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng số tiền là 1.000.000 đồng đến khi con chung đã thành niên.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành

đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn chị Thủy E có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn L. Con chung để chị Thủy E được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Thủy E hằng tháng số tiền là 1.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: Anh L khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Kim Thủy E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 13/7/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Thủy E là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Văn L và chị Lê Thị Kim Thủy E chung sống năm 2008, kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh L trình bày là do bất đồng quan điểm và cả hai ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh L và chị Thủy E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Thủy E cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của anh L. Anh L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị Thủy E. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị Thủy E là có căn cứ quy định tại khoản

1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Anh L khai, anh và chị Thủy E chung sống có với nhau 01 con chung tên Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 19/8/2009 hiện chị Thủy E đang nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện anh L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay anh L thay đổi yêu cầu. Anh L đồng ý để chị Thủy E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 19/8/2009, phù hợp với nguyện vọng của con chung Thủy T trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Thủy E hằng tháng số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/11/2018 đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi). Đây là sự tự nguyện của anh L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh L phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Án phí cấp dưỡng nuôi con anh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng án phí anh L phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Lê Văn L.

2. Anh Lê Văn L được ly hôn với chị Lê Thị Kim Thủy E.

3. Về con chung: Ghi nhận anh Lê Văn L đồng ý để chị Lê Thị Kim Thủy E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 19/8/2009. Anh Lê Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị Kim Thủy E hằng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian anh L thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 20/11/2018) đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi).

Trong thời gian con chung của anh L và chị Thủy E chưa thành niên, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, chị Thủy E có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn L khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:

Anh Lê Văn L phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai số 0018058 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, anh L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Lê Văn L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Lê Thị Kim Thủy E vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hồng Phương